NỀN TẢNG VĂN HÓA CỦA PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI BỀN VỮNG: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRỊNH THỊ KIM NGỌC*

Đặt vấn đề

Văn hóa, xã hội, kinh tế và môi trường là những trụ cột trọng yếu, có tương tác chặt chẽ với nhau trong quá trình phát triển của một quốc gia. Điều đó được chứng minh trong lịch sử sinh tồn của nhân loại cũng như trong quá trình phát triển của hầu hết các cộng đồng dân tộc. Giờ đây quan điểm trên đã trở thành nhận thức phổ biến trong giới khoa học, cũng như trong các nhà hoạch định chính sách ở nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, trong sự phát triển chung của nhân loại, cũng như trong công cuộc đổi mới của đất nước hiện nay, cho dù văn hóa có được nhắc đến nhiều hơn trên các diễn đàn, nhưng việc xây dựng và vận hành văn hóa để lĩnh vực này xứng với tầm "trụ cột quan trọng phát triển", cũng như để văn hóa có thể phát huy được vai trò trụ cột của mình trong công cuộc phát triển, để những thành tựu của phát triển con người thực sự bền vững thì có thể thấy rằng, trong thực tế, vấn đề này dường như vẫn còn nhiều bất cập.

1. Mối quan hệ con người - văn hóa và phát triển

1.1. Phát triển không thể thực hiện nếu thiếu nhân tố con người và trụ cột văn hóa

Phát triển là quy luật tất yếu của tiến hóa và cũng là quy luật tất yếu của cuộc sống chúng ta. Phát triển là khuynh hướng vận động từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn,... Nhưng nếu hiểu sự vận động phát triển một cách biện chứng, toàn diện và sâu sắc thì trong bản thân sự vận động không thể thiếu nhân tố con người với tư cách là chủ thể, là động lực quan trọng nhất của phát triển. Về mục tiêu, mọi quá trình phát triển dù có thể khác nhau về phương thức vận động, nhưng xét cho cùng đều hướng tới sự phát triển trường tồn, bền vững của chính con người - là yếu tố trung tâm, quyết định sự thành bại của mọi sự vận động phát triển... Sẽ không thể gọi là phát triển nếu sự vận động này không đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sống và phát triển của con người.

Con người là chủ thể của phát triển, nhưng đồng thời cũng là chủ thể của văn hóa. Nhận định này có cơ sở khoa học từ luận điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác: "Con người là thực thể tự nhiên có tính người"[1] và "bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ

* PGS. TSKH.; Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.42.

xã hội". Trên thực tế, con người không thể được gọi là Con người nếu thiếu môi trường văn hóa - xã hội. Cùng với ngôn ngữ, văn hóa không chỉ là một trong những yếu tố quan trọng nhất làm nên *bản tính người* mà còn là môi trường hoạt động mưu sinh, tồn tại và phát triển của con người. Với tư cách vừa là sản phẩm tự nhiên vừa là sản phẩm xã hội, con người tồn tại với mọi hoạt động luôn diễn ra trong tự nhiên, trong cộng đồng xã hội: gia đình, làng bản, trong giới nghề nghiệp hay trong các tổ chức xã hội,... mà chính con người tạo dựng ra. Chính vì vậy, mối quan hệ giữa con người, văn hóa và phát triển đã trở thành mối quan tâm không chỉ của các nhà nghiên cứu mà còn của cả các chính phủ và các tổ chức quốc tế, nhằm làm rõ vai trò của văn hóa với tư cách không chỉ là động lực quan trọng của phát triển mà còn là nền tảng và mục tiêu của mọi quá trình phát triển.

1.2. Một vài dẫn chứng từ lịch sử về vai trò của văn hóa trong phát triển và suy thoái

Ngay từ thời cổ đại, văn hóa đã được chứng minh là trụ cột trong sự trỗi dậy của các nền văn minh rực rỡ, làm nên sự hùng cường của nhiều quốc gia và đồng thời cũng là nhân tố quan trọng làm hủy diệt chính các nền văn minh rực rỡ đó. Ngay từ thế kỷ thứ VI trước Công nguyên (TCN, nhờ có sự phát triển của các chính sách văn hóa, chính trị và giao thương, Hy Lạp trở thành cái nôi về lịch sử - văn hóa, tạo nên một khu vực văn hóa - ngôn ngữ rộng lớn hơn nhiều so với diện tích địa lý. Đến thế kỷ thứ V. TCN, cũng trên mảnh đất này, Athens được coi là quốc gia hùng cường và giàu có bậc nhất khu vực, không chỉ bởi Athens có nền kinh tế hùng mạnh, mà còn được ghi nhận từ việc nhà nước này đặc biệt quan tâm phát triển văn hóa nghệ thuật, hội họa và kiến trúc, nhà nước Athens cũng đặc biệt bảo trợ cho giáo dục đào tạo và thu hút nhân tài. Nhờ đó, Athena đã trở thành trung tâm của văn học, triết học, nghệ thuật, đã lôi cuốn nhiều nhân tài từ khắp nơi về hội tụ. Một số tên tuổi lẫy lừng của lịch sử trí thức phương Tây thời kỳ này cũng đã từng sống ở Athena: các triết gia như Aristotle, Platon và Socrates; các sử gia như Herodotus, Thucydides, Xenophon,...; các nhà thơ như Simonides và các nhà viết kịch như Aeschylus, Aristophanes, Euripides và Sophocles,... Như vậy, nền văn minh Hy Lạp và Athens đã để lại dấu ấn trong lịch sử nhân loại những giá trị văn hóa nghệ thuật và cội nguồn của tri thức không chỉ như động lực để phát triển mà còn là mục tiêu của phát triển.

Ở phương Đông, lịch sử Trung Quốc ghi nhận ít nhất đã từng có ba lần được coi là trỗi dậy, được công nhận là ba trào lưu "phục hưng" của vương quốc này. Và cả ba lần trỗi dậy ấy, Trung Quốc đều để lại ấn tượng sâu sắc trong lịch sử nhân loại về sự "toàn thịnh" với những thành tựu rực rỡ cả trong phát triển kinh tế và xây dựng văn hóa. Chính vì vậy, cùng với kinh tế, văn hóa đã trở thành một trụ cột và một chiều kích quan trọng của phát triển. Sau này, trong quá trình phát triển về mặt kinh tế, văn hóa vẫn luôn thể hiện với tư cách là một nhân tố quyết định.

Tuy nhiên, chúng ta cũng đã nghe nhiều về hàng chục nền văn minh cổ đại: Đế chế Inca ở Nam Mỹ, nền văn minh Maya tại khu vực Trung Mỹ, nền văn minh cổ đại trên

sông Hằng, hay nền văn minh Rapa Nui trên Đảo Phục sinh,... là những nền văn minh đã có những thời kỳ phát triển rực rỡ trong lịch sử nhân loại, nhưng chúng cũng đã bị hủy diệt hoàn toàn. Nhiều ý kiến cho rằng, bên cạnh nguyên nhân là sự biến động của môi sinh, hoặc do dịch bệnh lan tràn, những nguyên nhân do con người là điều mà ít người có thể phủ nhận. Bởi nếu chủ thể của các nền văn minh rực rỡ đó có một cách ứng xử thông minh hơn với môi sinh của họ, thì chí ít các thành quả sáng tạo về kiến trúc, hội họa hay về phát triển nông nghiệp, cùng hậu duệ của họ đã không bị hoàn toàn biến mất như chúng ta đã thấy.

1.3. Nhân tố văn hóa trong một số quan điểm phát triển

1.3.1. Văn hóa và lý thuyết phát triển văn hóa xã hội

Trong lý thuyết phát triển văn hóa xã hội ở phương Tây thế kỷ XVII, phát triển được hiểu đồng nhất với tiến bộ, văn hóa và văn minh. Trong đó, văn hóa và lý chí chủ thể được đề cao[2]. Các học giả đương thời cho rằng, để phát triển được, con người với tư cách là đại diện của một cộng đồng văn hóa, phải được khai sáng văn minh và giải phóng khỏi sự dốt nát, mông muội. Theo quan điểm đó, tư bản châu Âu đã tiến hành công cuộc khai sáng văn minh cho các quốc gia không chỉ ở khu vực châu Âu mà còn vươn tới các châu lục khác: châu Á, châu Phi và châu Mỹ.

Khi nói về chủ nghĩa tư bản, một số nhà xã hội học hàng đầu phương Tây đã nhận định rằng, chủ nghĩa tư bản chính là kết quả của cuộc cách mạng công nghiệp và chủ nghĩa Thánh giáo Tin lành (Puritanism) đã từng có lịch sử tồn tại khá lâu dài ở phương Tây[3]. Cho nên, cùng với việc đẩy mạnh tích lũy tư bản, xã hội phương Tây cũng đồng thời đẩy mạnh truyền bá niềm tin tôn giáo ở khắp các cộng đồng.

Ở Đông phương có quan niệm, một minh quân lý tưởng là một nhà hiền triết, còn với Trung Hoa thì là đạo "nội thánh ngoại vương". Văn hóa có khi lại là yếu tố quyết định trong phương thức tiến hành hoạt động chính trị, xã hội và kinh tế. Như Mahatma Gandhi, khi tranh đấu cho nền độc lập Ấn Độ đang bị Anh cai trị, ông đã chọn sách lược bất bạo động là một yếu tố văn hóa Ấn Độ nói chung và Phật giáo nói riêng. Lịch sử cho thấy sách lược đó có kết quả nhanh chóng, bớt hao tổn, và đem lại cơ sở để xây dựng triết lý mà ngày nay gọi là "cả hai cùng thắng".

1.3.2. Văn hóa và phát triển kinh tế

Adam Smith (1723 - 1790), nhà kinh tế học nổi tiếng người Scotland, nhân vật mở đường cho lý thuyết kinh tế thế kỷ XVIII đã nhấn mạnh rằng: Kinh tế không thể vận hành nếu thiếu sự hiểu biết về vai trò của "quan điểm đạo đức". Ở đây, trong cách hiểu của ông, đạo đức không gì khác hơn là một khái niệm và nội dung đậm nét nằm trong phạm trù rộng lớn của văn hóa. Tuy nhiên, sau này trong định hướng phát triển của các

---

[2] Xem Alan Barnard, Jonathan Spenser (Ed. 1996), *Encyclopedia of Social and Cultural anthropology*, London & New York: Routledge, p.136.

[3] Xem Max Weber, *Thuyết khổ hạnh và tinh thần của Chủ nghĩa tư bản*.

nước phát triển phương Tây, ít khi chúng ta tìm thấy vai trò của văn hóa trong sự tác động hay điều hòa các hoạt động kinh tế. Sự tăng trưởng kinh tế được đo bằng sự gia tăng của đời sống vật chất vẫn là mục tiêu trọng tâm trong chính sách kinh tế của hầu hết các quốc gia phát triển này. Các nhà kinh tế học thường có chung một nhận thức rằng, thành tựu tăng trưởng kinh tế có thể đạt được qua việc xem xét các nhân tố như năng suất, công nghệ, chuyển dịch công nghiệp, cổ phần, mức độ đầu tư, dòng vốn,... Yếu tố văn hóa và nguồn nhân lực dường như đã bị bỏ qua trong những phân tích về các hoạt động kinh tế. Theo quan điểm của Vernon Ruttan, "sự quan tâm đến văn hóa đã bị đẩy xuống đáy của tư duy và thực hành phát triển." Ông khẳng định, không có một nhà kinh tế học phát triển nào đồng ý với giả định rằng, biến văn hóa có thể là biến quan trọng trong việc giải thích sự phát triển của chính trị và kinh tế. Các tác phẩm chính thống trong phát triển kinh tế thời kỳ này không có chỗ cho văn hóa.

Phải chăng, các nước phát triển đã có một nền văn hóa "viên mãn", đủ để khai hóa cho các dân tộc khác nên có thể coi nhẹ? Câu hỏi trên chỉ có thể lý giải được khi hiểu văn hóa với nghĩa rộng lớn nhất của nó với nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội: văn hóa được xem là toàn bộ các giá trị,... những điều tạo nên bản sắc riêng và chính nó là sợi dây gắn kết các thành viên trong cộng đồng với nhau. Trên thực tế, chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy văn hóa sẽ ảnh hưởng qua cách mà các cá nhân trong cộng đồng nghĩ và hành động và cũng tác động mạnh mẽ đến cách ứng xử của cộng đồng. Đối với những cộng đồng có quy mô nhỏ như một doanh nghiệp, nơi mà bản sắc được xây dựng trên tinh thần hợp tác, hay đối với cộng đồng lớn như một quốc gia, nơi mà các giá trị được các cá nhân chia sẻ có thể bao gồm các niềm tin tôn giáo, tập quán xã hội, các giá trị truyền thống,... Trong cả hai trường hợp đó, yếu tố văn hóa được kết tinh thành bản sắc, giá trị sẽ hình thành diện mạo của cá nhân và do đó quy định hành vi kinh tế của họ và của cả cộng đồng mà họ đang sống. Văn hóa có thể tác động đến hiệu quả kinh tế theo ba hướng sau:

1) Văn hóa tác động đến hiệu quả kinh tế thông qua sự thúc đẩy các giá trị được chia sẻ trong cộng đồng. Các giá trị đó cũng quy định cách thức mà các thành viên của cộng đồng thực hiện trong các quá trình sản xuất mang tính kinh tế. Chẳng hạn như nếu các giá trị văn hóa này khiến việc ra quyết định trở nên có hiệu quả hơn, đưa đến những sự cải thiện rõ nét và bền vững hơn. Nhờ đó, mức độ tăng trưởng sẽ cao hơn (đối với nền kinh tế), năng suất lao động và tính năng động của cộng đồng cũng được phản ánh qua hiệu quả kinh tế cao hơn.

2) Trên cơ sở những nguyên tắc đạo đức như sự quan tâm đến mọi người, năng lực chia sẻ hay các cơ chế tương trợ lẫn nhau, văn hóa có thể chi phối đến quan niệm về tính công bằng xã hội cả trong tiếp cận nguồn lực lẫn trong điều phối phúc lợi hay sự công bằng trong cơ hội tham gia.

3) Văn hóa có thể được xem như một nhân tố quyết định đến mục tiêu kinh tế - xã

hội của cộng đồng. Ở phạm vi toàn xã hội, giá trị văn hóa có thể hoàn toàn hài hòa với mục tiêu theo đuổi các thành tựu vật chất, xây dựng nên các thành tựu của kinh tế vĩ mô. Mặt khác, văn hóa cũng có thể kiềm chế sự theo đuổi các thành tựu vật chất để ưu tiên cho các mục tiêu phi vật chất liên quan đến chất lượng cuộc sống của con người, do đó nó có thể ảnh hưởng đến tốc độ và chiều hướng tăng trưởng kinh tế.

Thông qua các cách trên, ảnh hưởng của văn hóa đến hành vi cá nhân sẽ được phản ánh trong hiệu quả mang tính tập thể. Vì vậy, có thể thấy văn hóa với tư cách là văn hóa tổ chức đời sống và văn hóa quản lý,... không chỉ ảnh hưởng tới thành tích của cộng đồng, như: hiệu quả lao động của doanh nghiệp, năng suất của một khu vực kinh tế; văn hóa còn ảnh hưởng đến các thành tựu kinh tế vĩ mô: tăng trưởng GDP, mức độ đổi mới công nghệ, thái độ việc làm và chất lượng quản lý sản xuất,... đồng thời liên quan đến bình đẳng như việc phân phối thu nhập, an sinh xã hội cho người già yếu, người bệnh, cung cấp các dịch vụ cộng đồng,... cũng như sự sẵn sàng thực hiện các chương trình đầu tư công dài hạn khi chưa thể đem đến lợi ích trực tiếp đối với cộng đồng hiện tại.

Về điều này, chúng ta có thể thấy rõ hơn trong công trình nghiên cứu của Mark Casson - giáo sư kinh tế học thuộc Đại học Reading (Anh). Ông cho rằng, "kinh tế là tạo nên sự tiến bộ trong sự hài hòa với văn hóa".[4] Công trình nghiên cứu của ông đã cố gắng chỉ rõ các mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức: sự hợp tác và cạnh tranh, mối quan hệ bên trong tổ chức, hành vi của các thành viên,... với hiệu quả kinh tế của tổ chức hay của nền kinh tế. Những nghiên cứu về các nguồn lực cho sự tăng trưởng của Nhật Bản thời kỳ hậu chiến, hay gần đây hơn là sự tăng trưởng của Hàn Quốc, Hong Kong, Singapo đã củng cố thêm cho luận điểm của Mark Casson. Ở những quốc gia và khu vực này, các nhân tố kinh tế đã đóng góp đáng kể cho sự tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế bao gồm sự quản lý kinh tế vĩ mô một cách ổn định, đẩy mạnh cạnh tranh lành mạnh, định hướng xuất khẩu, sức ép thay đổi công nghệ, đầu tư và vốn con người,... Bên cạnh đó, yếu tố văn hóa bắt nguồn từ học thuyết Nho giáo, bao gồm sự quan tâm đến phúc lợi xã hội, sự tôn trọng giữa các nhóm, đạo đức lao động, vai trò của gia đình, niềm tin, đề cao tính tôn ti và quyền lực,... cũng đã góp phần quan trọng tạo nên những điều kiện cho sự thành công của kinh tế ở các nước nói trên. Đặc biệt trường hợp Nhật Bản cho thấy, các nhân tố niềm tin tôn giáo, truyền thống gia đình, thiện chí hợp tác, tinh thần chia sẻ,... đã tạo nên sự kỳ diệu của nước này trong tăng trưởng kinh tế.

Một số nghiên cứu gần đây của Ronald Inglehart đã định lượng được bước đầu sự tác động của văn hóa như: thái độ của cá nhân đối với tôn giáo, tính dân chủ, trách nhiệm trước công việc, gia đình và sự quan tâm đến cộng đồng và các vấn đề xã hội,... đã góp phần tạo nên những thành công trong kinh tế.

[4] Casson, Mark C. (1991), *Economics of Business Culture: Game Theory, Transaction Costs and Economic Performance,* Oxford: Clarendon Press, p.246.

Diễn đàn học thuật tại Đại học Chicago về những vấn đề kinh tế ở các nước đang phát triển, đó là Tạp chí *Phát triển kinh tế và Biến đổi văn hóa (Economic Development and Cultural Change)*. Đây là diễn đàn được đông đảo các nhà kinh tế học đặc biệt quan tâm. Việc lấy tên của tạp chí hàng đầu như vậy cũng đã chứng tỏ một nhận thức phổ biến của các nhà kinh tế rằng, văn hóa trong quá trình phát triển ở các nước nghèo được khẳng định có mối quan hệ chặt chẽ với các hoạt động kinh tế. Từ đó có thể hiểu được là quá trình biến đổi văn hóa đóng vai trò quyết định sự thành bại của quá trình phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo ở các nước đang phát triển.

1.3.3. Văn hóa và phát triển bền vững

Cũng như vai trò của văn hóa đối với kinh tế, nhận thức về vai trò của văn hóa với phát triển bền vững là cả một quá trình với những thay đổi hết sức quan trọng. Giữa thế kỷ XX, ở các nước phương Tây phổ biến quan điểm cho rằng phát triển đồng nhất với tăng trưởng kinh tế, sự phát triển kinh tế vẫn được hiểu là sự tăng trưởng về các thành tựu vật chất. Sau này, quan điểm này đã bị thay thế bởi quan điểm cho rằng phát triển phản ánh đáp ứng nhu cầu xã hội rộng lớn hơn và cải thiện mức sống của con người. Lúc đó, phát triển trong nhận thức chung được hiểu bao gồm sự tiến bộ trong sự giàu có về vật chất và sự gia tăng trong các chỉ số xã hội phản ánh chất lượng sống của con người, như: dinh dưỡng của người dân, tình trạng sức khỏe, mức độ biết chữ, mức độ tham gia vào giáo dục, tiêu chuẩn của các dịch vụ an sinh xã hội và dịch vụ công cũng như các chỉ số môi trường,... Các phép đo bình quân đầu người một cách giản đơn được thực hiện trên toàn bộ dân số đã giấu đi sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập và của cải, nhưng lại được bổ sung bằng những chỉ tiêu về nhu cầu cơ bản của con người, như thực phẩm, nhà cửa, quần áo,... và những yếu tố phi vật chất như sự hài hòa của môi trường cũng cần phải được bảo đảm thông qua những thành tựu kinh tế vật chất. Rõ ràng, mô hình này có rất ít hoặc không có vai trò cho văn hóa.

Mặc dù trong bản thân khái niệm phát triển bền vững vẫn chứa đựng những mâu thuẫn nội tại giữa hai yếu tố "phát triển" và "bền vững", trong khi phát triển bao hàm một sự biến đổi (so với tình trạng hiện tại hoặc trước đó) thì bền vững lại hàm chứa ý nghĩa ổn định, ít biến đổi. Tuy nhiên, quan điểm phát triển bền vững được ghi nhận là kết quả tổng hòa của ba mặt cơ bản: bền vững về kinh tế, bền vững về văn hóa - xã hội và bền vững về môi trường. Trong đó, nhân tố văn hóa - xã hội chi phối cách thức con người làm kinh tế, gia tăng của cải vật chất, đồng thời văn hóa cũng chi phối thái độ ứng xử của con người trong việc bảo vệ môi trường sống và ứng xử giữa người với người trong cộng đồng. Quan trọng hơn, phát triển không chỉ giới hạn trong các hoạt động sản xuất mà còn bao gồm các yếu tố văn hóa xã hội như văn học, nghệ thuật, giáo dục,... Không thể quan niệm phát triển chỉ đơn thuần là việc tích lũy vật chất, hoặc ngược lại - chỉ là sự giàu có về tinh thần. Điều đó có vẻ như rất hiển nhiên nhưng trong thực tế phát triển thì lại không hề đơn giản, đặc biệt ở các nước đang phát triển.

1.3.4. Văn hóa trong quan điểm phát triển con người

Quan điểm phát triển con người (PTCN) từ những năm 90 do Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) đề xuất và kết quả đã được công bố tại Báo cáo phát triển con người đầu tiên (1991). Quan điểm này đề cao vai trò và vị thế của con người. Coi con người là trung tâm, là mục tiêu của quá trình phát triển. Mặc dù trong bộ công cụ HDI, yếu tố văn hóa không được đo đạc và thể hiện, tuy nhiên, trong mọi chiều cạnh của PTCN, văn hóa vẫn giữ vai trò là nhân tố chi phối. Văn hóa chi phối cách thức con người gia tăng thu nhập, gia tăng tri thức, bảo vệ sức khỏe và bảo vệ môi trường. Đặc biệt, văn hóa thể hiện đậm nét ở việc đảm bảo các tiêu chí của PTCN đề ra, đó là: hiệu quả và bền vững trong gia tăng thu nhập các phúc lợi xã hội, đảm bảo mọi thành viên xã hội đều có cơ hội bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lợi để phát triển, và các cơ hội của họ luôn luôn được quan tâm mở rộng. Trong đó, quyền và cơ hội tham gia của người dân vào sự nghiệp phát triển được đặt lên hàng đầu. Amartya Sen[5] cho rằng, trọng tâm các chính sách phát triển là "mở rộng cơ hội và thúc đẩy năng lực của con người làm chủ cuộc sống, để họ có thể sống một cách đầy đủ, khỏe mạnh và hạnh phúc; để họ có thể tiếp nhận tri thức của thế giới, để tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng,... để có thể tham gia trong những quyết định ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của họ. Những vấn đề tăng khả năng của con người, thúc đẩy năng lực của họ không chỉ nằm trong sự mở rộng sản xuất trong nước mà cần phải là mục tiêu của chính sách phát triển"[6]. Vì vậy, Amartya Sen đã coi *Phát triển là quyền tự do*.

1.3.5. Văn hóa trong phát triển con người bền vững

Kế thừa những ưu việt của các lý thuyết phát triển trước đó, quan điểm phát triển con người bền vững (PTCNBV) đang trở thành chủ đề nóng trong giới nghiên cứu PTCN. Hướng tới đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của con người trong một thế giới đầy biến động, quan điểm PTCNBV chú trọng tới các tiêu chí đánh giá và cũng là các nội dung cơ bản của quan điểm này, đó là: trao quyền, công bằng, hợp tác, bền vững và an ninh[7].

Định hướng tư duy phát triển theo hướng trên không chỉ thể hiện rõ tính bền vững của PTCN mà còn in đậm hàm ý của một sự phát triển mang tính văn hóa. Ở đó, con người dù là chủ thể hay khách thể của phát triển cũng không bị cô lập với cộng đồng và văn hóa của họ. Con người tương tác với nhau theo nhiều cách nhằm đảm bảo 5 tiêu chí trên dưới sự chi phối, tác động của văn hóa, đó là: niềm tin, giá trị, truyền thống, tập quán hay văn hóa tổ chức, quản lý,... đều được chia sẻ và phát huy. Việc vươn tới khái

[5] Nhà kinh tế học nổi tiếng người Ấn Độ, người được giải thưởng Nobel Kinh tế học năm 1998.

[6] Amartya Sen, *Phát triển là quyền tự do*.

[7] Đào Thị Minh Hương (2013), "Phát triển bền vững con người: Lịch sử vấn đề và sự cần thiết triển khai nghiên cứu tại Việt Nam", Tạp chí *Nghiên cứu Con người*, Số 2 (65), tr.8.

niệm PTCNBV đã đưa văn hóa từ một vị trí không trọng tâm vào vị trí trung tâm để phát huy hết ưu việt của mình trong phát triển. Thực tế, sẽ không thể có sự trao quyền, công bằng hay bền vững khi trong cộng đồng không có niềm tin giữa người với người, không sẵn sàng chia sẻ với nhau,...

Ngay từ đầu, ý tưởng trên đã được xem xét tại Hội nghị Liên Chính phủ về chính sách văn hóa cho phát triển tổ chức tại Stockholm vào tháng 4 năm 1998, 150 nước tham dự đã nhất trí coi chính sách văn hóa là một trong những thành tố trọng tâm của chiến lược phát triển. Các chính phủ được đề nghị xây dựng các chính sách khẳng định tầm quan trọng của văn hóa trong phát triển. Do đó, vai trò của văn hóa trong sự phát triển bền vững đã chiếm vị trí ưu tiên trong tư duy phát triển, đặc biệt ở các quốc gia nghèo. Trong quá trình thực hiện xóa đói giảm nghèo, nhằm thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ, các tổ chức quốc tế có uy tín như Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Ngân hàng Thế giới (WB), hay Ngân hàng phát triển châu Á (ADB),... đều quan tâm đến những tri thức bản địa, tới kỹ năng sản xuất theo các phương thức truyền thống, tới văn hóa, nghệ thuật của các cộng đồng ở các nước đang phát triển, coi đó là tài sản, là tri thức, là sự giàu có của người nghèo[8]. WB cũng đã giải thích rõ thực tế rằng văn hóa có thể đóng góp trực tiếp vào sự nghiệp phát triển, tổ chức này đặc biệt đề cao văn hóa trong bối cảnh của các quốc gia đang phát triển là nhằm:

1) Cung cấp các cơ hội cho các cộng đồng nghèo để tạo ra thu nhập từ những tri thức và thực hành các dịch vụ văn hóa riêng để thoát nghèo.

2) Duy trì và tạo ra thu nhập từ lĩnh vực văn hóa hiện tồn thông qua việc làm sống lại các khu di tích, bảo tồn các tài sản thiên nhiên mang tính xã hội và tạo ra thu nhập từ du lịch một cách bền vững.

3) Tăng cường vốn xã hội, đặc biệt cung cấp nguồn lực để các nhóm nghèo có thể theo đuổi các hoạt động thúc đẩy tính tự tôn, tính hiệu quả và thúc đẩy việc đề cao sự đa dạng để chúng có thể chia sẻ trong các lợi ích của sự phát triển kinh tế.

4) Đa dạng hóa cách thức thực thi PTCNBV và xây dựng năng lực cho một xã hội năng động dựa trên nền tảng tri thức, như dịch vụ thư viện, internet, bảo tàng,... đặc biệt những dịch vụ để phục vụ các cộng đồng nghèo và những đối tượng dễ bị tổn thương.

Theo quan điểm này, PTCN sẽ bền vững hơn dưới sự tác động của các yếu tố văn hóa. Giống như các dịch vụ hệ sinh thái hỗ trợ bầu khí quyển, văn hóa "sẽ hỗ trợ bầu không khí xã hội, cả hai sẽ tăng cường tính bền vững cho phúc lợi để hướng tới một cuộc sống thịnh vượng cho con người".

---

[8] Xem *Kiến thức của người nghèo*.

Hình 1.Tác động của các dịch vụ hệ sinh thái tới các thành tố phúc lợi của cuộc sống thịnh vượng

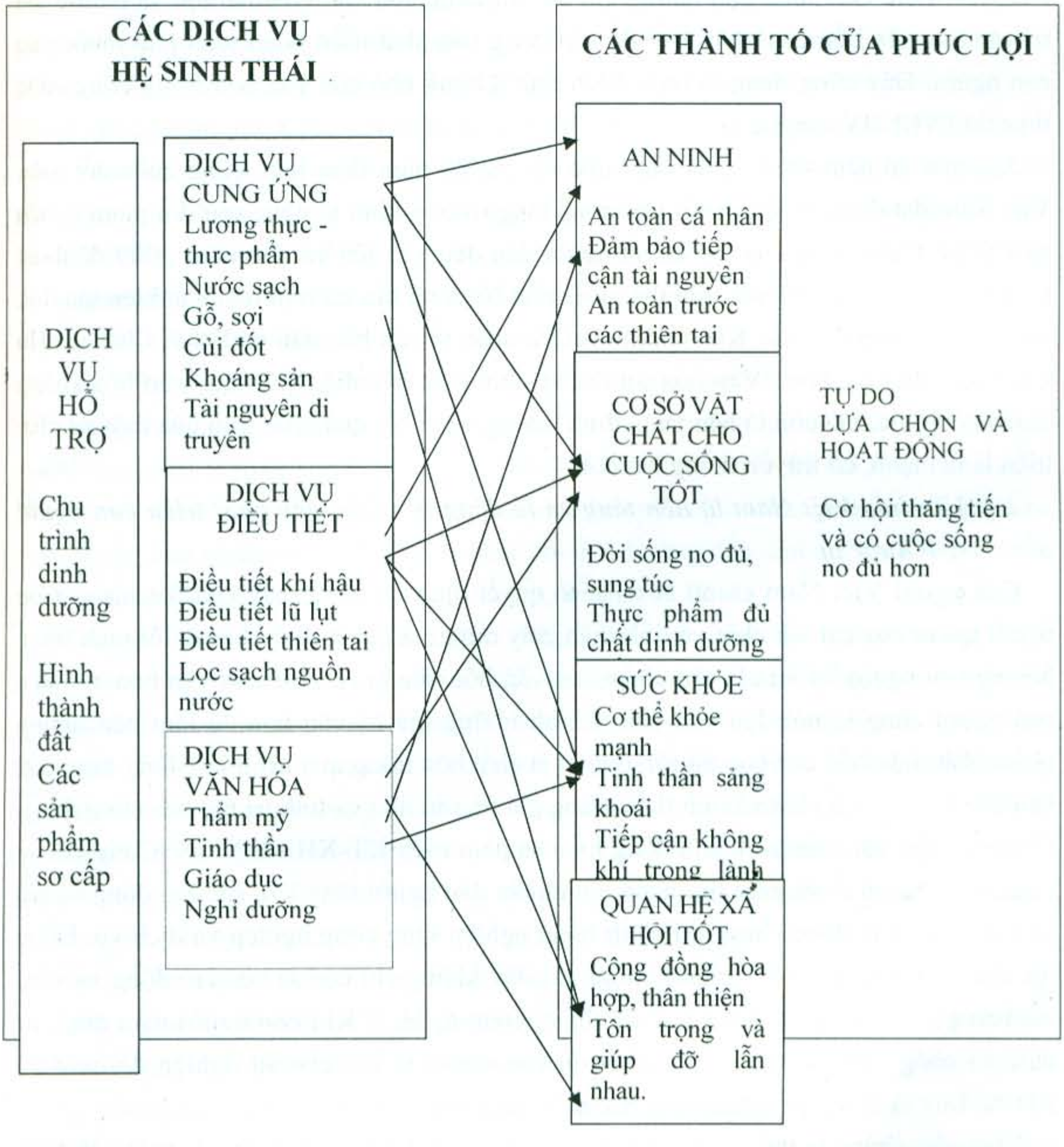

2. Văn hóa và những thách thức trong phát triển con người bền vững ở nước ta

Lịch sử phát triển kinh tế và văn hóa cho thấy mỗi hình thái kinh tế - xã hội (KT-XH) đều gắn liền với một nền văn hóa, khi diễn ra sự chuyển đổi về hình thái KT-XH thì cũng kéo theo sự chuyển đổi về văn hóa, trong đó có sự kế thừa, lựa chọn những giá trị tích cực của hình thái trước. Trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế hàng hóa

trước đây và kinh tế thị trường hiện nay, văn hóa phải giữ vai trò vừa là động lực, vừa là mục tiêu, định hướng cho phát triển KT-XH nhằm khắc phục những mâu thuẫn vốn có của phát triển. Biết lựa chọn những giá trị bền vững của văn hóa dân tộc và những giá trị văn hóa tiên tiến của nhân loại để vận dụng vào phát triển hoàn toàn phụ thuộc vào con người. Đây cũng đang là một thách thức không nhỏ của văn hóa trong công cuộc thực thi PTCNBV ở nước ta.

Sau gần 40 năm thống nhất đất nước và gần 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu trong tăng trưởng kinh tế như: xóa đói giảm nghèo và PTCN. Cuộc sống của đại đa số người dân đều khá lên và đến năm 2009 đã thoát khỏi nhóm các nước nghèo trên thế giới. Việt Nam đã sẵn có một nền văn hiến lâu đời, một nền văn hóa đặc sắc. Khẳng định vai trò nhân tố văn hóa, khi sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: "Văn hóa soi đường cho quốc dân đi". Như vậy, văn hóa không chỉ là động lực, mà còn là nền tảng, định hướng và là kết quả nhân văn của một sự phát triển lành mạnh, có truyền thống lâu đời.

2.1. Văn hóa Việt Nam là nền tảng và là động lực thúc đẩy phát triển con người bền vững ở nước ta

Con người Việt Nam chính là nhân tố quyết định sự hưng, suy của đất nước. Con người tạo ra của cải vật chất và tinh thần, xây dựng và quyết định đường lối phát triển. Nhưng con người lại vừa là sản phẩm của văn hóa vừa là chủ thể của văn hóa, nói đến con người cũng là nói đến văn hóa. Chính những giá trị văn hóa đã làm nên những phẩm chất tinh thần của con người, được vật chất hóa trong quá trình lao động sản xuất, làm nên của cải vật chất và tinh thần mang giá trị văn hóa và tính trí tuệ của cộng đồng. Chính vì vậy, văn hóa trở thành động lực của phát triển KT-XH và PTCN. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế và mức thu nhập bình quân đầu người tăng lên, sức lao động và giá trị sản xuất cũng được chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển kinh tế giờ đây không chỉ còn là sức lao động và vốn, mà bao gồm cả tri thức, khoa học kỹ thuật, công nghệ,... Khi con người nắm được tri thức và công nghệ sẽ tạo nên nguồn vốn con người to lớn cho sự nghiệp đổi mới và PTCN. Đây là động lực quan trọng bậc nhất của công cuộc phát triển.

Như vậy, chúng ta thừa nhận khoa học - công nghệ (KH - CN) cũng là một nội dung của văn hóa, mà vai trò của KH - CN đối với sự nghiệp phát triển là điều không phải tranh luận. Khi trình độ KH - CN tiên tiến, hiện đại chắc chắn sẽ thúc đẩy kinh tế, nâng cao thu nhập và PTCN, ngược lại nếu khoa học kỹ thuật thấp kém, lạc hậu sẽ kìm hãm sự phát triển. Nhưng KH - CN còn là kết tinh của trí tuệ và sức sáng tạo của con người. Điều đó có nghĩa là KH - CN là sản phẩm của con người, của văn hóa.

Thực tiễn ở nước ta, KH - CN có nhiệm vụ cung cấp kịp thời luận cứ khoa học cho các quyết sách quan trọng của Đảng và Nhà nước, đóng góp thiết thực vào việc nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng các mục tiêu chiến lược phát triển KT - XH của đất nước giai đoạn sắp tới. Tuy nhiên, trong công cuộc này chúng ta đang gặp không ít thách thức. Thách thức lớn nhất hiện nay là phải nâng cao nhanh chóng năng lực KH - CN để thực hiện quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn trong điều kiện đất nước còn nghèo, vốn đầu tư hạn hẹp, trình độ phát triển nói chung còn có khoảng cách khá xa so với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực. Trong khi đó, nguồn lực KH - CN còn quá mỏng, trình độ chưa cao, kết quả nắm bắt công nghệ mới chưa bền vững. Chưa nói đến vẫn còn những hiện tượng học chạy theo thành tích chứ không theo thực lực, vẫn còn hiện tượng học giả, bằng giả, nên nguồn lực KH - CN nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu của phát triển.

Thông thường người ta kính trọng một nước hay một con người không chỉ do một yếu tố duy nhất là giàu có mà còn nhiều yếu tố khác, như: nước đó đạt được bao nhiêu giải Nobel về khoa học hay văn chương, hiện có bao nhiêu nhà làm phim, bao nhiêu nhà nghệ thuật, bao nhiêu nhà trí thức có tiếng nói ảnh hưởng đến dân chúng, có nhà chính trị kinh tế nào làm thay đổi vận mệnh của đất nước được không?

Trong xu thế phát triển của kinh tế tri thức, lợi thế về nguồn tài nguyên thiên nhiên, giá lao động rẻ dần nhường chỗ cho lợi thế về nguồn nhân lực có năng lực sáng tạo và trình độ chuyên môn cao. Nước ta nếu không sớm chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của lực lượng lao động thì sẽ không có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực về thu hút đầu tư và các công nghệ tiên tiến từ bên ngoài. Trong quá trình hội nhập quốc tế về kinh tế, KH - CN, nước ta đang đứng trước những khó khăn về chuyển đổi và xây dựng những thể chế mới về thương mại, tài chính, ngân hàng, sở hữu trí tuệ,... phù hợp với thông lệ quốc tế. Tình trạng này nếu không sớm vượt qua sẽ cản trở sự thành công trong quá trình hội nhập.

Cùng với trình độ KH - CN thì những yếu tố như lương tâm nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, ý thức giác ngộ xã hội, đạo đức, lối sống,... của người lao động cũng là những yếu tố quyết định chất lượng của phát triển. Đây cũng là lĩnh vực còn nhiều điều phải suy nghĩ, khi ở tất cả mọi khâu của nền kinh tế vẫn đang còn tồn tại nhiều lỗ hổng có liên quan đến đạo đức văn hóa. Ví dụ như: có không ít hiện tượng tham nhũng trong quản lý, vô cảm trong hoạch định chính sách,… đã từng làm thất thoát của nhà nước và của nhân dân hàng trăm ngàn tỉ đồng. Người sản xuất thì gia tăng làm hàng giả, hàng kém chất lượng cả trong thực phẩm và sữa trẻ em, gây tác hại cho rất nhiều người và trẻ em đã bị ngộ độc và tử vong,… Trong xây dựng thì bớt xén nguyên vật liệu, làm thất

thoát của nhà nước và cũng gây ra nhiều hạn họa cho người dân từ việc kết cấu thiếu bền vững của các công trình,...

Nói văn hóa là hệ điều tiết của sự phát triển, bởi lẽ, văn hóa phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của các nhân tố khách quan và chủ quan, của các điều kiện bên trong và bên ngoài, bảo đảm cho sự phát triển được hài hòa, cân đối và bền vững. Trong nền kinh tế thị trường, một mặt văn hóa dựa vào chuẩn mực của nó là chân, thiện, mỹ để hướng dẫn và thúc đẩy người lao động không ngừng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao tay nghề, nâng cao năng suất lao động, đáp ứng nhu cầu không ngừng tăng lên của xã hội; mặt khác, văn hóa sử dụng sức mạnh của các giá trị truyền thống, của đạo lý dân tộc để hạn chế những mặt tiêu cực là hệ quả của nền kinh tế thị trường.

2.2. Văn hóa là mục tiêu của phát triển con người bền vững

Văn hóa là mục tiêu của sự nghiệp phát triển ở nước ta bởi lẽ, văn hóa do con người sáng tạo ra, chi phối toàn bộ hoạt động của con người, là hoạt động sản xuất nhằm cung cấp năng lượng tinh thần cho con người, làm cho con người ngày càng hoàn thiện. Tuy nhiên, không nhiều người chú trọng vào văn hóa như là động lực của kinh tế, như ý kiến của UNESCO và nhiều chuyên gia. Cái nguy hiểm là trong cuộc chạy đua phát triển, ta quên đi những giá trị văn hóa dân tộc, và đến một lúc nào đó nhìn lại thì đã mất nó từ lâu. Nên nói rõ rằng đây không phải chỉ là bảo tồn văn hóa vì cái hay, cái đẹp của nó mà cần giữ gìn tính kế thừa của văn hóa từ thế hệ này sang thế hệ khác, bảo tồn vai trò của nó trong những giai đoạn phát triển về sau. Không có văn hóa thì sự phát triển hôm nay chẳng những què quặt mà còn phát triển không bền vững.

Ngày nay, khoa học kỹ thuật là tài sản chung của nhân loại, nhưng sử dụng khoa học kỹ thuật đó như thế nào lại là vấn đề văn hóa. Chẳng hạn có những nước giàu nhờ chế tạo và buôn bán vũ khí; hay trả công cho công nhân và nông dân quá rẻ. Kinh tế không thể tự mình giải quyết được hố ngăn cách giữa một số ít quá giàu và đa số nghèo, như một số nước giàu nhất cho thấy, mặc dù họ cũng đứng đầu về những lý thuyết kinh tế. Phải chăng chúng ta đều cần những yếu tố văn hóa để kinh tế không là sự chia rẽ con người và có sự ổn định bền vững.

Tuy nhiên, sự phát triển của trí tuệ, của KH - CN dẫn đến tăng trưởng thiếu bền vững cũng có khả năng gây ảnh hưởng xấu đến lối sống, đạo đức xã hội nói riêng và văn hóa nói chung. Nếu chỉ chú trọng nâng cao trình độ KH - CN mà không chú trọng các yếu tố đạo đức, lối sống,... thì không thể có được một xã hội phồn vinh và hạnh phúc. Phát triển kinh tế phải hướng vào mục tiêu văn hóa, hướng vào sự hoàn thiện con người, hoàn thiện xã hội. Đó là sự phát triển hiện đại. Một chính sách phát triển đúng đắn là chính sách làm cho các yếu tố cấu thành văn hóa thấm sâu vào tất cả các lĩnh vực sáng

tạo của con người: văn hóa trong sản xuất, văn hóa trong quản lý, văn hóa trong lối sống, văn hóa trong giao tiếp, văn hóa trong sinh hoạt gia đình, ngoài xã hội, văn hóa trong giao lưu và hợp tác quốc tế,... Nói cách khác, hàm lượng trí tuệ, hàm lượng văn hóa trong các lĩnh vực của đời sống con người càng cao bao nhiêu thì khả năng phát triển kinh tế - xã hội càng trở nên hiện thực bấy nhiêu.

Vận dụng KH - CN như thế nào để đưa lại hạnh phúc chân chính cho con người, đó là định hướng của văn hóa. Chúng ta thấy KH - CN là chung, thế giới là "phẳng", nhưng Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và Trung Quốc đều có hướng đi riêng, độc lập nhưng không cô lập, và họ đã khá thành công. Đó là bản sắc văn hóa. Họ giàu có lên nhưng vẫn giữ được sự ổn định xã hội.

Nhìn một cách sâu hơn, tất cả mọi nền văn hóa, mặc dầu có những ưu khuyết điểm riêng nhưng đều có hướng đi chung khiến cho tất cả đều "đồng quy nhi thù đồ" (khác đường nhưng quy hướng về một chỗ - lời của Khổng Tử). Mọi nền văn hóa đều có giá trị chung, ước mơ chung là làm cho con người hoàn thiện hơn, cao đẹp hơn, hiểu biết hơn, yêu thương nhiều hơn,... Chỗ đồng quy đó là Chân, Thiện, Mỹ. Mặc dầu có những điểm yếu, điểm mạnh riêng, có trình độ văn minh cao thấp khác nhau, nhưng tất cả đều nhắm đến Chân, Thiện, Mỹ cho nhân loại và hành tinh này.

Chính vì ước mơ chung đó nên văn hóa là tác nhân có thể đưa đến đối thoại (nền văn hóa không thể và không muốn đối thoại, không thể và không muốn cùng đưa nhau tiến bộ là một nền văn hóa kém, chưa tiến bộ, nhất là trong thời đại toàn cầu hóa ngày nay), đưa đến cảm thông, đưa đến hòa hợp, đưa đến "tứ hải giai huynh đệ" (bốn biển là anh em - lời của Khổng giáo) cho thế giới. Đây là điều mà khoa học kỹ thuật và những thành tựu kinh tế không thể làm được, bởi vì một thế giới đồng dạng về mặt vật chất, xe hơi, điện thoại di động, internet,... mà chưa có tinh thần đối thoại, khoan dung, cảm thông, tinh thần cùng hướng về Chân, Thiện, Mỹ, tinh thần văn hóa thì vẫn chưa thể cùng chung sống hạnh phúc với nhau nơi trái đất nhỏ hẹp và đang bị tổn thương này.

Kết luận

Những nhận xét trên cho thấy một số mối liên hệ giữa văn hóa, kinh tế và PTCNBV. Nhìn nhận vai trò của văn hóa trong PTCNBV là đặt văn hóa trong mối quan hệ biện chứng với phát triển bền vững và thừa nhận sự tác động qua lại giữa văn hóa và kinh tế. Sự tác động của văn hóa đối với phát triển kinh tế nói riêng và phát triển xã hội nói chung được thực hiện thông qua việc thiết lập và ứng dụng những khuôn mẫu, giá trị đạo đức, giá trị tinh thần được xã hội thừa nhận, từ đó định hướng cho kinh tế - xã hội phát triển theo cái đúng, cái tốt, cái đẹp. Văn hóa cũng tham gia vào việc lựa chọn con đường phát triển lâu dài của đất nước.

Nhận thức sâu sắc giá trị của văn hóa trong quá trình phát triển, Đảng ta xác định tiến hành đồng bộ và gắn kết chặt chẽ ba lĩnh vực: Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt cùng với việc xây dựng văn hóa, nền tảng tinh thần của xã hội nhằm tạo nên sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững của đất nước. Trong đó, nội dung xây dựng văn hóa được xác định: "Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" là một định hướng quan trọng để đất nước phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Ngọc Am, *Vai trò của văn hóa trong quá trình phát triển đất nước.*
2. Đào Thị Minh Hương (2013), "Phát triển bền vững con người: Lịch sử vấn đề và sự cần thiết triển khai nghiên cứu tại Việt Nam", Tạp chí *Nghiên cứu Con người*, Số 2.
3. Lê Xuân Kiêu, "Một số vấn đề về văn hóa và phát triển", http://huc.edu.vn/chi-tiet/1046/.html.
4. Nguyễn Xuân Kính (2003), *Con người, môi trường và văn hóa*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Trịnh Thị Kim Ngọc (2009), "Nguyên tắc vì mục tiêu phát triển con người trong chiến lược phát triển bền vững", Tạp chí *Khoa học Xã hội*, Số 8.
6. Trịnh Thị Kim Ngọc (2009), "Vai trò của văn hóa trong phát triển con người", In trong *Văn hóa, con người, quyền và phát triển.*
7. Tô Huy Rứa, "Phát huy vai trò động lực của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội".
8. *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm BCHTW khóa VIII* (1998), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Alan Barnard, Jonathan Spenser (Ed. 1996), *Encyclopedia of Social and Cultural anthropology,* London & New York: Routledge.
10. Casson, Mark C. (1991), *Economics of Business Culture: Game Theory, Transaction Costs and Economic Performance*, Oxford: Clarendon Press.
11. David Throsby (2001), *Kinh tế và văn hóa,* Nxb. Đại học Cambridge.
12. Simon Kuznets (1966), *Modern Economic Growth: Rate, Structure, and Spread,* New Haven: Yale University Press.
13. Vernon Ruttan (2003), *Social Science Knowledge and Economic Development,* University of Michigan Press.